

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Bà Nguyễn Thị Lê Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2020/TLST-HN ngày 25/12/2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 14/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1975, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Dương Thị Y, sinh năm 1978, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, bản tự khai, nguyên đơn chị anh Nguyễn Hữu B trình bày và đề nghị: Anh B và chị Dương Thị Y sau thời gian tìm hiểu thì quyết định tổ chức cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau tại xã Q, huyện Q từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tháng 5/2020 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 2, xã T, huyện Q, Thanh Hóa, và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh B xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống,

nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Dương Thị Y là vợ chồng .

Tại Bản tự khai, bị đơn là chị Dương Thị Y trình bày: Chị Y thống nhất với nội dung trình bày của anh B về thời gian anh chị tổ chức cưới, về việc anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn. Theo chị Y thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 5/2020 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 2, xã T, huyện Q, Thanh Hóa, và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hôn nhân của anh chị, chị Y đồng ý và yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Anh B và chị Y đều thống nhất trình bày: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 5/2/2000. Cháu Kim A đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh B và chị Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B và chị Y thống nhất: anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác định: Anh B và chị Y có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn Ngọc D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa từ năm 1997. Cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên anh B và chị Y không báo cáo với chính quyền địa phương. Nay anh B có đơn xin đề nghị Tòa án giải quyết hôn nhân của anh và chị Y, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Hữu B và chị Dương Thị Y đều có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật HNGD 2014; khoản 1 Điều 28; Điều 147, 235, 264, 267, 271, 273 BLTTDS 201; NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Hữu B và chị Dương Thị Y là vợ chồng.

Về con chung: Vì cháu Kim Anh đã trưởng thành nên anh Ba và chị Yến không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh B và chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B và chị Y tự thỏa thuận, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với chị Dương Thị Y, chị Y có địa chỉ cư trú tại thôn Ngọc D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và từ ngày 15/2/2020 anh đã chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh B và chị Y đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu B và chị Dương Thị Y tự nguyện tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau từ năm 1997. Tuy nhiên anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. UBND xã Q, huyện Q nơi anh chị sinh sống cũng xác nhận anh chị không đăng ký kết hôn tại địa phương. Vì vậy quan hệ giữa anh B và chị Y không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng anh B và chị Y có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Dương Thị Y.

[3] Về con chung: Anh B và chị Y đều thống nhất trình bày: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 5/2/2000. Anh B và chị Y đều thống nhất cháu Kim A đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi mình, không mất năng lực hành vi dân sự, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh B và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Hai bên thống nhất, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Dương Thị Y.

- Về con chung: Anh B và chị Y có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 5/2/2000. Cháu Kim A đã đủ tuổi thành niên, nên Tòa án không giải quyết vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh B và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002300 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Anh B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa ;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Dung